

# BÀN VỀ CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG SẢN XUẤT LÚA GẠO VIỆT NAM

*PGS.TS. Nguyễn Sinh Cúc*

Lúa là cây trồng chủ lực trong nông nghiệp Việt Nam. Sản lượng lúa chiếm 90% sản lượng lương thực có hạt cả nước (2011) và chiếm gần 56% giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Lúa gạo là mặt hàng chiến lược trong sản xuất nông nghiệp không chỉ đảm bảo an ninh lương thực quốc gia mà còn là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong những năm qua, hiện nay và cả trong các năm tới. Vì vậy, phát triển sản xuất lúa gạo theo hướng bền vững, hiệu quả là một trong những nội dung đặc biệt quan trọng trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nước ta giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030.

Đối với Việt Nam, sản xuất lúa gạo, yêu cầu phát triển hiệu quả và bền vững là vấn đề có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với ngành sản xuất nông nghiệp lúa gạo nói riêng, mà còn đối với cả nền kinh tế, nhất là xuất khẩu gạo. Tuy nhiên vấn đề đang đặt ra hiện nay trong thống kê là những chỉ tiêu định lượng nào có thể phản ánh trung thực quá trình và kết quả mức độ bền vững và hiệu quả của sản xuất lúa gạo trên phạm vi cả nước, từng vùng và từng địa phương hàng năm và từng kế hoạch 5 năm? Để đánh giá mức độ phát triển hiệu quả và bền vững của sản xuất lúa gạo cần xem xét toàn diện các mặt hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nói cách khác, đó là xem xét quá trình nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp theo nghĩa hẹp nói chung và nhất là sản xuất lúa gạo nói riêng, có đi kèm với giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường được đặt ra hay không.

Tuy nhiên, trong hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia ban hành theo QĐ 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, chưa có các chỉ tiêu phản ánh nông nghiệp bền vững, nhất là lúa gạo. Mặt khác trong Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động Quốc gia về phát triển bền vững giai đoạn 2011-2015, phần phụ lục cũng không có các chỉ tiêu này. Vì vậy, nghiên cứu, thử nghiệm và đề xuất định hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phát triển bền vững trong nông nghiệp nói chung, sản xuất lúa gạo nói riêng là rất cần thiết và cấp bách trong nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững nói chung, thống kê nông nghiệp nói riêng.

Trong phạm vi bài này, tác giả sẽ trình bày một số ý kiến về định hướng xây dựng một số chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững trong sản xuất lúa gạo có thể áp dụng vào Việt Nam trong giai đoạn 2012-2015.

Phát triển bền vững nói chung và sản xuất lúa gạo nói riêng bao gồm 3 yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường. Vì vậy phạm vi nghiên cứu, đề xuất, thử nghiệm các chỉ tiêu phát triển bền vững trong sản xuất lúa gạo cũng cần xem xét trên cả 3 mặt đó với 3 nhóm chỉ tiêu thống kê tương ứng.

## 1. Các chỉ tiêu về kinh tế

Đó là các chỉ tiêu phản ánh năng suất và hiệu quả sản xuất lúa gạo tính từ khâu sản xuất đến tiêu thụ. Các chỉ tiêu chủ yếu là:

**1.1. Giá trị gia tăng (GTGT)/ trên 1 tấn gạo của ngành sản xuất lúa gạo (GTGTng)**

Tính bằng tổng GTGT ở tất cả các khâu của sản xuất lúa gạo bao gồm sản xuất lúa (GTGTsx), thu gom lúa (GTGTtg), chế biến gạo (GTGTcb) và tiêu thụ gạo (GTGTtt) trên tấn gạo tiêu thụ. Chỉ tiêu đánh giá khả năng tạo ra GTGT bình quân trên tấn gạo cho nền kinh tế của sản xuất lúa gạo, thông qua đó đánh giá sức cạnh tranh về chất lượng và GTGT/tấn gạo của Việt Nam với bên ngoài. Chỉ tiêu này cần đánh giá đi kèm với tốc độ tăng GTGT/tấn gạo để xem xét mức độ tăng/giảm trong giai đoạn nhất định.

Công thức tính như sau:

$$GTGTng = GTGTsx + GTGTtg + GTGTcb + GTGTtt$$

**1.2. Tỷ trọng hàm lượng GTGT trên tấn gạo của ngành lúa gạo (Hgt)**

Tính bằng tỷ lệ GTGTng trên giá trị gạo tiêu thụ (Gt) của ngành sản xuất lúa gạo, chỉ tiêu đánh giá hiệu quả nguyên vật liệu và dịch vụ của ngành, hàm lượng GTGT càng cao càng thể hiện xu hướng sản xuất tốt, bền vững. Chỉ tiêu này cũng cần được phân tích ở các khâu của sản xuất lúa gạo, nhất là trong sản xuất lúa và chế biến gạo, xem xét hàm lượng GTGT trên tấn lúa và hàm lượng GTGT trên tấn gạo chế biến.

$$Hgt = (GTGTng / Gt) \times 100$$

**1.3. Lợi nhuận/tấn gạo của ngành lúa gạo (LNng)**

Tính bằng tổng lợi nhuận ở tất cả các khâu bao gồm sản xuất lúa (LNsx), thu gom lúa (LNtg), chế biến gạo (LNcb) và tiêu thụ gạo (LNtt). Chỉ tiêu cần phân tích đi kèm với tốc độ tăng lợi nhuận/tấn gạo để đánh giá hiệu quả về lợi nhuận thu được từ sản xuất 1 tấn gạo của ngành lúa gạo và mức độ tăng/giảm trong giai đoạn nhất định, thông qua đó cho biết hiệu quả cạnh tranh về lợi nhuận của ngành sản xuất lúa gạo Việt Nam với các ngành sản xuất lúa gạo ở bên ngoài. Chỉ tiêu này cần được phân tích ở tất cả các khâu của

ngành lúa gạo để đánh giá hiệu quả sản xuất ở từng khâu.

$$LNng = LNsx + LNtg + LNcb + LNtt$$

**1.4. Tỷ suất doanh lợi ngành lúa gạo (TSd)**

Tính bằng tỷ lệ (%) lợi nhuận của toàn ngành trên giá trị gạo tiêu thụ, chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sinh lợi trên doanh thu tiêu thụ gạo của ngành sản xuất lúa gạo. Chỉ tiêu càng cao cho thấy càng mở rộng sản xuất, mức lợi nhuận thu về của ngành lúa gạo càng tăng nhanh, mở rộng sản xuất có lợi.

$$TSd = (LNng / Gt) \times 100$$

**1.5. Tỷ suất lợi nhuận trên chi phí của ngành lúa gạo (TSI)**

Tính bằng tỷ lệ (%) lợi nhuận (LNng) thu được trên tổng chi phí (CPng) ở tất cả các khâu sản xuất của toàn ngành lúa gạo. Đối với các khâu sản xuất, tính bằng tỷ lệ (%) lợi nhuận trên chi phí ở từng khâu. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư kinh doanh của sản xuất lúa gạo, chi phí 1 đồng vốn đầu tư thu về được bao nhiêu lợi nhuận.

$$TSI = (LNng / CPng) \times 100$$

**1.6. Lợi nhuận/ha đất sản xuất lúa (LNact)**

Tính bằng lợi nhuận thu được từ sản xuất lúa trong 1 năm (LNvct) trên ha đất canh tác lúa. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất đối với nông dân ở khâu sản xuất lúa của ngành lúa gạo, qua đó thể hiện khả năng cạnh tranh về sử dụng đất của sản xuất lúa đối với các sản phẩm nông nghiệp khác ở trong nước và so với sản xuất lúa ở bên ngoài.

$$LNa = LNvct / ha.$$

**1.7. Lợi nhuận/ha diện tích gieo trồng lúa (LNvgt)**

Tính bằng lợi nhuận thu được từ sản xuất lúa trong 1 năm (LNvgt) trên ha diện tích gieo trồng lúa. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất đối với nông dân ở khâu sản xuất lúa của ngành lúa gạo, qua đó thể hiện khả năng cạnh tranh về sử dụng đất của sản xuất lúa phân theo vụ (đông xuân, hè thu và mùa) đối với cả nước từng vùng, từng địa phương.

### 1.8. GTGT/ha diện tích canh tác lúa (GTGTvct)

Tính bằng GTGT trong 1 năm (GTGTvct) trên ha diện tích đất canh tác lúa. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất đối với nông dân ở khâu sản xuất lúa của ngành lúa gạo, qua đó thể hiện khả năng cạnh tranh về sử dụng đất của sản xuất lúa phân theo cả nước từng vùng, từng địa phương.

### 1.9. GTGT/ha diện tích gieo trồng lúa (GTGTvgt)

Tính bằng GTGT trong 1 vụ (GTGTvgt) trên ha diện tích gieo trồng lúa của vụ đó. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng đất lúa đối với nông dân ở khâu sản xuất lúa của ngành lúa gạo từng vụ, qua đó thể hiện khả năng cạnh tranh về sử dụng đất của sản xuất lúa phân theo vụ (đông xuân, hè thu và mùa) đối với cả nước từng vùng, từng địa phương. Số liệu thống kê thu được từ chỉ tiêu này là một trong những căn cứ để đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các chính sách chuyển đổi cơ cấu mùa vụ trong sản xuất lúa ở các vùng, các địa phương trong từng giai đoạn.

## 2 Các chỉ tiêu xã hội

### 2.1. Thu nhập bình quân nhân khẩu/tháng hoặc năm của hộ nông dân chuyên sản xuất lúa gạo (TNlg)

Tính bằng tổng thu nhập (STlg) qui theo tháng hoặc năm từ sản xuất lúa gạo trên tổng số nhân khẩu của hộ sản xuất lúa gạo (Sng). Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tạo thu nhập, giảm nghèo cho nông dân từ sản xuất lúa gạo.

$$Tnt = STlg / Sng, \text{ (đơn vị tính, triệu đồng)}$$

2.2. Chênh lệch thu nhập bình quân nhân khẩu của nông dân trồng lúa với mức thu nhập bình quân nhân khẩu của hộ nông dân sản xuất trồng trọt nói chung cả nước. (ICg) hoặc từng vùng, từng địa phương trong tháng hoặc năm nghiên cứu

Tính bằng tỷ lệ (%) thu nhập bình quân nhân khẩu của nhóm hộ nông dân trồng lúa (Tnt) so mức thu nhập bình quân nhân khẩu của nông dân trồng trọt cả nước (Tnc), từng vùng, từng địa phương qui theo tháng hoặc năm. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả và bền vững đối với phát triển sản xuất nông nghiệp về giảm

khoảng cách chênh lệch thu nhập đầu người của nông dân với mức thu nhập bình quân đầu người chung của cả nước trong một giai đoạn nhất định. Chỉ tiêu này còn có thể tính trên phạm vi khác như mẫu số có thể so với nông dân sản xuất nông nghiệp nói chung hoặc nông dân chuyên trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, rau màu khác trên địa bàn.

2.3. Số lao động trên 1 ha đất canh tác lúa (Lđvct) trong năm. Chỉ tiêu này nhằm phản ánh khả năng tạo việc làm cho lao động nông nghiệp từ đất canh tác lúa của cả nước và từng vùng, từng địa phương. Phương pháp tính, lấy tổng số lao động chuyên sản xuất lúa 4 khâu (sản xuất, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ) trong năm chia cho tổng diện tích canh tác lúa trong năm (vctl) của địa bàn nghiên cứu (cả nước, từng vùng và từng địa phương)

Công thức tính:  $Lđvct = Lđl / Vctl$  (lao động/ha)

2.4. Số lao động trên 1 ha diện tích gieo trồng lúa (Lđvgt) trong năm. Chỉ tiêu này nhằm phản ánh khả năng tạo việc làm cho lao động nông nghiệp từ đất canh tác lúa của cả nước và từng vùng, từng địa phương. Phương pháp tính, lấy tổng số lao động chuyên sản xuất lúa 4 khâu (sản xuất, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ) trong năm chia cho tổng diện tích gieo trồng lúa trong năm (vgtl) của địa bàn nghiên cứu (cả nước, từng vùng và từng địa phương)

Công thức tính:  $Lđvgt = Lđl / vgtl$  (lao động/ha)

## 3. Các chỉ tiêu môi trường

3.1. Tỷ lệ DTGT lúa thân thiện môi trường trong tổng diện tích gieo trồng lúa hàng năm. (HMt) Tính bằng tỷ lệ (%) DTGT lúa thân thiện môi trường (DTm) trên tổng DTGT lúa cả nước (DTg) hoặc từng vùng, từng địa phương trong năm. Chỉ tiêu đánh giá gián tiếp hiệu quả khắc phục ô nhiễm môi trường từ sử dụng phân bón và các loại hoá chất khác trong sản xuất lúa thông qua tỷ lệ DTGT lúa áp dụng các qui trình canh tác thân thiện môi trường.

$$H Mt = (DTm / DTg) \times 100$$

3.2. Tỷ lệ diện tích gieo trồng lúa gạo bị thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm (HPt)

Tính bằng tỷ lệ (%) DTGT gieo trồng lúa bị thiệt hại do thiên tai gây ra hàng năm (DTgtlth) trên tổng DTGT lúa cả nước (DTgtlts) năm đó. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả phòng chống, giảm nhẹ thiên tai cho sản xuất lúa gạo của nông dân đối với ngành trồng lúa.

$$HPt = (DTgtlth / DTgtlts) \times 100$$

Nguồn số liệu cho việc tính toán các chỉ tiêu trên đây là các cuộc điều tra thống kê hàng năm của Tổng cục Thống kê như điều tra diện tích gieo trồng, điều tra năng suất sản lượng lúa từng vụ, điều tra mẫu về chi phí trung gian, tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản, điều tra mức sống dân cư. Tuy nhiên để có thông tin cập nhật hàng vụ, hàng năm, cần thiết có thêm các cuộc điều tra chọn mẫu khác với sự phối hợp giữa Tổng cục Thống kê và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Những đề xuất trên đây chỉ có tính chất thử nghiệm để các ngành liên quan tham khảo trong quá trình nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phát triển bền vững trong nông nghiệp Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020. NXB Chính trị QG.

Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020. QĐ 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Dự thảo Kế hoạch hành động quốc gia về Phát triển bền vững giai đoạn 2011-2015 của Chính phủ (8/2012).

Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện định hướng chiến lược phát triển bền vững (Chương trình nghị sự 21).

Chiến lược phát triển Thông kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn 2030 theo QĐ 1803/QĐ-TTg.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê Quốc gia ban hành theo Quyết định 43/2010/ QĐ-TTg ngày 02/6/2010.

Chương trình điều tra thống kê Quốc gia ban hành theo Quyết định số 803 QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng CP..

Nguyễn Sinh Cúc. Cơ sở lý luận và thực tế để xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay. Thông tin Khoa học thống kê, số 3 năm 2012.

Phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở Việt Nam.

[http://www.mofa.gov.vn/vi/tt\\_baochi/nr041126171753/ns080923104051](http://www.mofa.gov.vn/vi/tt_baochi/nr041126171753/ns080923104051)

Dự thảo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện định hướng chiến lược phát triển bền vững (Chương trình nghị sự 21).

<http://www.agenda21.monre.gov.vn/Default.aspx?tabid=264&CateCode=100>

Mười hai tổ chức và phương án đánh giá định tính và định lượng phát triển bền vững.

[http://www.fistenet.gov.vn/details.asp?Object=22&news\\_ID=3168010](http://www.fistenet.gov.vn/details.asp?Object=22&news_ID=3168010)Trao đổi về hệ thống các nguyên tắc phát triển bền vững và đánh giá phát triển bền vững.

<http://www.vocw.udn.vn/content/m11302/latest/>

Phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở Việt Nam.

[http://www.mofa.gov.vn/vi/tt\\_baochi/nr041126171753/ns080923104051](http://www.mofa.gov.vn/vi/tt_baochi/nr041126171753/ns080923104051)

Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản.

Võ Kim Chi, Giảng viên, trường ĐHKHXH &NV.

Hệ thống đánh giá phát triển bền vững các khu công nghiệp Việt Nam. Lê Thế Giới- Đại học Đà Nẵng.

Hành trình vì sự phát triển bền vững 1972-1992-2002. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội 2002.

"Phát triển bền vững là gì? Mục tiêu, Chỉ số, Giá trị và Thực tiễn." - Robert W. Kates, Thomas M. Parris, và Anthony A. Leiserowitz – Bùi Thuỳ Linh lược dịch.